

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSDP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSDP					
	<b>Cân đối NSDP</b>					-	<b>4.143.200</b>	<b>750.880</b>	<b>870.080</b>	0
	- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước						1.747.300	309.980	309.980	
	- Thu tiền sử dụng đất						1.843.000	250.000	269.800	Cấp tỉnh 103,5 tỷ bằng năm 2021 Cấp huyện 166,3 tỷ theo số liệu Sở TC làm việc thống nhất với các huyện
	- Thu XSKT						432.000	70.000	70.000	
	- Bộ chi NSDP						120.900	120.900	220.300	
<b>I</b>	<b>THANH TOÁN CT HOÀN THÀNH</b>					<b>61.295</b>	<b>20.399</b>	<b>8.190</b>	<b>15.980</b>	- Quyết toán bố trí đủ 100% giá trị; - HT chưa QT: bố trí 90% TMĐT
1	Làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	Tinh Đoàn	356-QĐ/TWĐTN 21/10/13	15.872	15.872	10.334	5.600	3.100	850	
2	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao du lịch	1184 20/7/2020	11.296	11.296	5.396	5.900	3.135	1.600	
3	Trường Liên cấp THCS, THPT huyện Bác Ái (hạng mục khối hành chính quản trị, nhà bếp + nhà ăn học sinh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	1845 31/10/2018	3.711	3.711	1.200	2.511	1.955	167	
4	Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		55.971	55.971	44.365	6.388		6.000	
5	Đường Ma Nời - Tà Nời	UBND huyện Ninh Sơn	2585 27/10/2017 802 21/5/2019	19.418	19.418	10.312	9.100	6.200	1.000	
6	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	UBND huyện Bác Ái	1201a 11/8/2020	187.138	42.000	148.800	30.000	14.405	5.263	
7	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm công tác xã hội ( cơ sở 2: Nuôi dưỡng người tâm thần)	Sở Lao động Thương binh Xã hội	266/QĐ-UBND 09/02/2021	8.339	8.339		7.500	6.400	1.100	
<b>II</b>	<b>PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, TP</b>					<b>769.000</b>	<b>1.881.600</b>	<b>239.500</b>	<b>328.100</b>	
1	<i>Phân cấp</i>					541.000	1.225.000	239.500	259.300	
	- Vốn Trung ương cân đối						525.000	93.000	93.000	30% vốn TW cân đối
	Thành phố PRTC							12.458	12.458	tỷ lệ 13,4%
	Huyện Ninh Sơn							14.279	14.279	tỷ lệ 15,35%
	Huyện Ninh Phước							13.829	13.829	tỷ lệ 14,87%
	Huyện Thuận Nam							13.477	13.477	tỷ lệ 14,49%
	Huyện Ninh Hải							12.592	12.592	tỷ lệ 13,54%
	Huyện Thuận Bắc							12.844	12.844	tỷ lệ 13,81%
	Huyện Bác ái							13.521	13.521	tỷ lệ 14,54%
	- Thu tiền sử dụng đất						700.000	146.500	166.300	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSDP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó: NSDP						
	Thành phố PRTC							50.000	55.000		
	Huyện Ninh Sơn							20.000	20.000		
	Huyện Ninh Phước							32.000	32.000		
	Huyện Thuận Nam							10.000	14.500		
	Huyện Ninh Hải							30.000	40.000		
	Huyện Thuận Bắc							4.000	4.300		
	Huyện Bác ái							500	500		
2	Hỗ trợ các huyện, xã nông thôn mới					228.000	39.600		14.800	KH năm 2022 dự kiến hỗ trợ 1 huyện NTM, 2 xã NTM nâng cao và 3 xã NTM	
2.2	Hỗ trợ xã đạt NTM						18.000		10.000	02 tỷ đồng/xã (KH năm 2022 đạt 5 xã)	
2.3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao						21.600		4.800	2,4 tỷ đồng/xã	
3	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông						490.000		49.000	10% KH trung hạn, Bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu kết dư của tỉnh Số vốn phân bổ: Theo tỷ trọng vốn KH trung hạn 21-25 bố trí cho các huyện thành phố	
	Thành phố PRTC						136.000		13.600		
	Huyện Ninh Sơn						42.000		4.200		
	Huyện Ninh Phước						109.000		10.900		
	Huyện Thuận Nam						48.000		4.800		
	Huyện Ninh Hải						100.000		10.000		
	Huyện Thuận Bắc						30.000		3.000		
	Huyện Bác ái						25.000		2.500		
4	Hỗ trợ Hợp tác xã						20.000		5.000	- KH trung hạn 2021-2025 là 20 tỷ đồng, năm 2021 chưa bố trí, còn lại thực hiện năm 2022-2025, bình quân mỗi năm 5 tỷ - Số vốn phân bổ: Theo tỷ trọng vốn KH trung hạn 21-25 bố trí cho các huyện thành phố	
	Thành phố PRTC						1.480		370		
	Huyện Ninh Sơn						3.705		926		
	Huyện Ninh Phước						4.445		1.111		
	Huyện Thuận Nam						3.705		926		
	Huyện Ninh Hải						3.705		926		
	Huyện Thuận Bắc						1.480		370		
	Huyện Bác ái						1.480		370		
<b>III</b>	<b>LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TÍNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b>					<b>60490</b>	<b>60.490</b>	<b>40.490</b>	<b>20.000</b>	<b>8.800</b>	<b>11.200</b>
<b>IV</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>						<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	Bảng KH 2021
<b>V</b>	<b>HỖ TRỢ QPAN</b>						<b>174.000</b>	<b>209.000</b>	<b>51.000</b>	<b>51.000</b>	Bảng KH 2021
	BCH Quân sự tỉnh						104.000	90.000	23.000	23.000	Trong đó dự án thao trường huấn luyện Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 7.372 triệu đồng
	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh						30.000	55.000	15.000	15.000	
	Công an tỉnh						40.000	64.000	13.000	13.000	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSDP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSDP					
<b>VI</b>	<b>HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN</b>					<b>5.000</b>	<b>25.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	Bảng KH 2021
<b>VII</b>	<b>ĐÓI ỨNG ODA</b>					<b>160.141</b>	<b>327.700</b>	<b>69.564</b>	<b>82.300</b>	
	<b>Thanh toán công trình hoàn thành</b>					<b>27.860</b>	<b>35.700</b>	<b>19.766</b>	<b>34.300</b>	Bổ trí 90% TMĐT phần đối ứng
1	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, Hợp phần tỉnh Ninh Thuận - Ngân hàng thế giới (WB)	Sở Y tế	491/QĐ-UBND 01/4/2019	91.829	19.548	400	9.000		7.500	
2	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	13.827	7.060	6.700		3.800	Đủ nhu cầu vốn còn lại
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	564/QĐ-UBND 31/3/2017	412.635	51.034	20.400	20.000	19.766	22.000	Hiện đang trình điều chỉnh TMĐT, trong đó bổ sung đối ứng 22.632 triệu đồng để đền bù, Giao KH vốn sau khi dự án được điều chỉnh và bổ sung KH trung hạn
4	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286	7.750	12.536	9.468	1.000	
	<b>Hoàn thành sau năm 2022</b>					<b>132.281</b>	<b>192.000</b>	<b>49.798</b>	<b>44.000</b>	Bổ trí 70% TMĐT phần NSDP
5	Hệ thống Hồ chứa nước Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	291.488	109.768	13.506	95.560	42.534	20.000	
6	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 1532/QĐ-UBND 24/9/2019	1.962.367	282.411	115.900	79.440		22.000	KH năm 2021 bố trí vốn NSTW 60.960 triệu đồng
7	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534 04/9/2020	189.098	19.968	2.875	17.000	7.264	2.000	
	<b>Khởi công mới</b>					<b>1.980.933</b>	<b>100.000</b>		<b>4.000</b>	Bổ trí 20% TMĐT
8	Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ ”		738/QĐ-TTg ngày 20/5/2021	20.816	20.816		20.000		4.000	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSDP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSDP					
<b>VIII</b>	<b>ĐỐI ỨNG CT MTQG</b>						<b>120.000</b>		<b>27.000</b>	10% tổng vốn đăng ký KH 2022
<b>IX</b>	<b>BÙ HỤT THU NĂM 2021, THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH KHI CÓ QUYẾT TOÁN VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC</b>						<b>235.100</b>		<b>35.800</b>	
	<i>Trong đó:</i>									
	Bù hụt thu								5.000	Thu tiền đất cấp tỉnh đến tháng 10/2021 là 75,7 tỷ đồng/103,5 tỷ đồng, dự kiến đến cuối năm thu đạt kế hoạch. Thu tiền XSKT đến tháng 10/2021 là 50,8 tỷ đồng/70 tỷ đồng, dự kiến đến cuối năm thu 65 tỷ, hụt thu 5 tỷ.
	Đổi mới Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông			55.000	55.000				17.000	25% TMĐT
	Thanh toán CT hoàn thành sau khi quyết toán								13.800	
<b>X</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>						<b>332.899</b>	<b>69.700</b>	<b>78.400</b>	
<i>a</i>	<i>Chuyển tiếp</i>			<b>97.214</b>	<b>97.214</b>	<b>123.881</b>	<b>186.899</b>	<b>69.700</b>	<b>42.900</b>	
	<i>Hoàn thành năm 2022</i>					<b>123.881</b>	<b>97.899</b>	<b>49.200</b>	<b>14.900</b>	bổ trí 85% TMĐT
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1844 31/10/2018	197.280	177.280	123.881	73.399	40.000	3.800	
2	Trường Tiểu học Phước Bình C	Chi cục Thủy lợi	527/QĐ-UBND 26/3/2021	8.959	5.959		8.000	4.200	1.700	
3	Khu tái định cư thôn Quán Thè 2, xã Phước Minh	UBND huyện Thuận Nam	14/NQ-HĐND 19/3/2021 1830/QĐ-UBND/ 20/9/2021	16.599	16.599		16.500	5.000	9.400	
	<b>Hoàn thành năm 2023</b>			<b>97.214</b>	<b>97.214</b>	<b>-</b>	<b>89.000</b>	<b>20.500</b>	<b>28.000</b>	Bổ trí 50% TMĐT
4	Dự án Xây mới trường THPT Nguyễn Trãi, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng	03/NQ-HĐND 19/3/2021 737/QĐ-UBND 28/4/2021	97.214	97.214		89.000	20.500	28.000	
<i>b</i>	<i>Khởi công mới</i>			<b>165.054</b>	<b>165.054</b>	<b>-</b>	<b>146.000</b>	<b>-</b>	<b>35.500</b>	
1	Cột thu lôi chống sét - 20 cột	Chi cục Thủy lợi		71.600	71.600		63.000		10.000	
2	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lán xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	36/NQ-HĐND 17/5/2021	93.454	93.454		83.000		13.500	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSDP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSDP					
3	Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông		487.000	98.000		98.000		12.000	Chuẩn bị dự án, phần đền bù sẽ cân đối khi hoàn tất các thủ tục và có nguồn thu tiền đất
<b>XI</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>							<b>120.900</b>	<b>220.300</b>	
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB3)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước					11.000	11.000	667	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
2	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT					3.000	3.000	547	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
3	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận	Sở Y tế					4.000	4.743	1.525	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT					20.404	19.661	26.348	Bằng 52% số vốn đăng ký tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước					82.496	82.496	191.213	Bằng 52% số vốn đăng ký tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2022